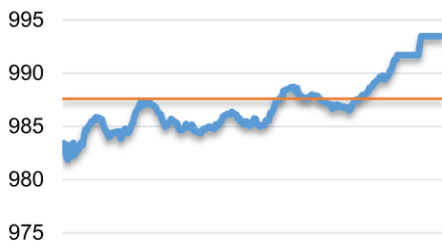


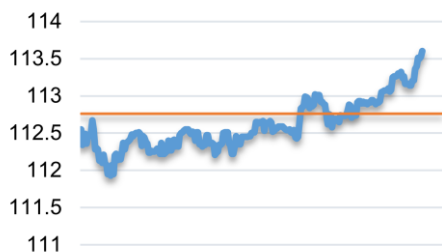
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	993.49	113.60	51.98
% ngày	0.60	0.74	0.30
% tuần	0.86	1.95	1.02
% tháng	2.54	5.16	0.99
% năm	22.98	8.05	(4.70)
<b>GTGD (Tỷ đồng)</b>			
Trong ngày	3,257	564	210
Hôm qua	3,516	587	192
TB 1 tháng	3,470	603	192
<b>Khối ngoại (Tỷ đồng)</b>			
Mua	731.80	23.26	48.32
Bán	814.12	85.56	32.90
Giá trị ròng	(82.32)	(62.30)	15.42
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	174	77	81
Mã Giảm	98	65	59
Không Đổi	81	242	594
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	17.8x	10.8x	9.8x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,157	199	858
LS Cổ tức	2.10	2.35	3.98

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

### VNINDEX



### HNX INDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Chỉ số VN-Index mất 6 điểm trong đầu phiên giao dịch do ảnh hưởng từ thông tin Mỹ chính thức áp thuế 10% lên 200 tỷ USD giá trị hàng hóa Trung Quốc. Tuy nhiên, thị trường Châu Á khi đứng trước thông tin trên vẫn không bị ảnh hưởng quá lớn khi nhiều chỉ số vẫn phủ sắc xanh, đặc biệt là các thị trường chứng khoán của Nhật Bản và Trung Quốc đều tăng mạnh gần 2%, còn lan rộng sang các thị trường khác như Hàn Quốc, Thái Lan và Việt Nam cũng có phiên tăng điểm khá tốt về cuối phiên.

Đồng thuận với thị trường Châu Á, chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức 993.5 điểm và tăng thêm nhẹ 0.6%. Trên sàn Hà Nội cũng giao dịch tích cực hơn vào cuối phiên dẫn đến chỉ số HNX-Index và Upcom-Index đều tăng lần lượt 0.74% và 0.3%. Thanh khoản của thị trường trong phiên tăng lên khá tốt khi tổng giá trị giao dịch trên toàn thị trường nằm trong khoảng 5,400 tỷ đồng.

Dưới ảnh hưởng của cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung thì ngành dệt may của Việt Nam vẫn là ngành được quan tâm nhiều nhất và điều này phản ánh rõ nhất lên giá chứng khoán tăng mạnh trong phiên như TCM, TNG,... Cuối phiên khi lực cầu gia tăng vào cuối phiên hỗ trợ lớn cho các nhóm ngành đảo chiều từ đỏ sang xanh như ngân hàng, chứng khoán, bất động sản, xây dựng. Dòng dầu khí có GAS và PVD cũng tăng điểm trong phiên.

Khối ngoại bán ròng gần 130 tỷ đồng trong phiên. Riêng sàn HNX có lượng giao dịch đột biến là lượng bán ròng hơn 72 tỷ của mã VIX. Nếu loại trừ lượng giao dịch này thì sàn Hà Nội vẫn duy trì lượng mua ròng nhẹ khoảng 10 tỷ đồng và sàn Upcom cũng có lượng mua ròng hơn 15 tỷ. Sàn HSX có lượng bán ròng khoảng 82 tỷ đồng và tập trung chủ yếu ở các mã như HPG, DIG, VRE, PDR, LDG...

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trong phiên giao dịch 19/09/2018. Đồng thời, dòng tiền đã lan tỏa tích cực hơn giữa các nhóm cổ phiếu, nhưng chủ yếu vẫn tập trung ở nhóm Midcaps và Smallcaps, đặc biệt thị trường vẫn đang trong giai đoạn tích lũy và phân hóa. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu và tâm lý nhà đầu tư tiếp tục tăng cho thấy nhà đầu tư đang tỏ ra lạc quan hơn với xu hướng hiện tại.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức cắt lỗ ở mức 970.52 điểm của chỉ số VN-Index và 109.93 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu.

**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn:** 58% cổ phiếu/42% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	997.0	1044.0	915.0	895.0
Chỉ số HNX-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	112.5	121.0	96.5	92.0



We Create Fortune

## BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.00	GIẢM	GIẢM		17.67				19.58		
ACB	33.50	TĂNG	GIẢM	30.96	32.58	8.20%			36.35		
ACV	85.00	TĂNG	GIẢM	84.10	81.25	1.07%			95.72		
ANV	21.70	TĂNG	TĂNG	18.90	18.89	14.81%			21.39		
ASM	12.70	TĂNG	GIẢM	13.30	12.41	-4.51%			14.14		
BFC	27.50	GIẢM	GIẢM		27.90				28.92		
BHN	83.00	TĂNG	GIẢM	83.60	79.41	-0.72%			101.13		
BID	35.25	TĂNG	TĂNG	25.80	32.77	36.63%		33.40	27.33	5.54%	
BMP	58.60	TĂNG	GIẢM	56.20	55.94	4.27%			62.30		
BSR	17.90	TĂNG	GIẢM	18.10	16.84	-1.10%			19.99		
BVH	97.00	TĂNG	TĂNG	95.70	91.94	1.36%		86.00	74.55	12.79%	
BWE	18.50	TĂNG	GIẢM	17.70	17.75	4.52%			19.20		
CEO	14.10	TĂNG	GIẢM	13.40	12.73	5.22%			14.91		
CHP	22.70	GIẢM	TĂNG		23.16			23.50	22.03	-3.40%	
CSM	14.25	TĂNG	TĂNG	14.25	13.73	0.00%		14.39	12.77	-0.97%	
CTD	162.50	TĂNG	TĂNG	149.50	159.17	8.70%		161.20	140.81	0.81%	
CTG	26.90	TĂNG	GIẢM	24.00	25.68	12.08%			28.07		
CTI	25.30	GIẢM	GIẢM		27.79				33.12		
CVT	26.50	TĂNG	GIẢM		25.65				29.58		
DCM	10.10	TĂNG	GIẢM	10.16	10.05	-0.61%			10.69		
DGW	26.90	TĂNG	TĂNG	23.90	24.73	12.55%			26.51		
DHA	27.10	GIẢM	GIẢM		27.41				28.49		
DHC	45.30	TĂNG	TĂNG	42.35	38.07	6.97%			43.77		
DHG	94.10	GIẢM	GIẢM		95.07				104.51		
DPG	53.30	TĂNG	TĂNG	40.90	49.20	30.32%		52.00	38.30	2.50%	
DPM	17.40	GIẢM	GIẢM		17.86				18.72		
DPR	37.30	TĂNG	GIẢM	37.50	36.19	-0.53%			38.98		
DQC	28.55	TĂNG	GIẢM	29.55	27.96	-3.38%			30.33		
DRC	27.90	TĂNG	TĂNG	25.85	26.06	7.93%		24.30	22.34	14.81%	
DXG	28.80	TĂNG	GIẢM	28.80	28.67	0.00%	MUA		29.38		
ELC	8.89	GIẢM	GIẢM		9.18				10.51		
FCN	16.20	GIẢM	TĂNG		16.34			17.70	14.10	-8.47%	
FIT	4.14	TĂNG	GIẢM	4.27	4.05	-3.04%			4.98		
FMC	26.95	TĂNG	TĂNG	21.20	25.35	27.12%		24.70	20.98	9.11%	
FPT	44.80	TĂNG	GIẢM	44.55	42.83	0.56%			45.46		
GAS	109.60	TĂNG	TĂNG	101.50	102.30	7.98%		103.00	83.67	6.41%	
GEX	28.90	GIẢM	TĂNG		29.24			30.10	25.97	-3.99%	
GIL	39.50	TĂNG	GIẢM	41.65	36.71	-5.16%		34.90	45.89	31.49%	

We Create Fortune

GMD	26.00	TĂNG	GIẢM	25.40	24.87	2.36%			28.65	
GTN	10.50	GIẢM	TĂNG		11.36			11.20	9.83	-6.25%
HAG	5.97	GIẢM	TĂNG		6.51			6.19	5.86	-3.55%
HAX	17.50	TĂNG	GIẢM	16.40	15.86	6.71%			18.40	
HBC	23.80	TĂNG	GIẢM	23.80	23.14	0.00%	MUA		27.04	
HDB	38.25	TĂNG	GIẢM	38.20	37.09	0.13%			42.32	
HNG	16.80	TĂNG	TĂNG	16.70	16.44	0.60%		8.20	14.25	104.88%
HPG	39.45	TĂNG	GIẢM	37.20	38.31	6.05%			42.50	
HSG	12.10	TĂNG	GIẢM	11.35	10.64	6.61%			13.04	
HT1	13.70	TĂNG	TĂNG	11.75	13.19	16.60%		13.00	11.06	5.38%
HUT	5.10	GIẢM	GIẢM		5.41				6.64	
HVN	38.00	GIẢM	TĂNG		39.66			39.20	31.92	-3.06%
ITD	12.15	GIẢM	TĂNG		12.30			12.40	11.14	-2.02%
KBC	12.15	GIẢM	GIẢM		12.33				13.24	
KDH	33.25	TĂNG	TĂNG	30.30	31.97	9.74%		33.40	33.01	-0.45%
KSB	30.95	GIẢM	GIẢM		32.80				33.01	
LCG	9.45	TĂNG	TĂNG	9.46	9.05	-0.11%		9.39	8.35	0.64%
LDG	15.20	TĂNG	TĂNG	15.00	14.27	1.33%			15.06	
LIX	48.60	TĂNG	TĂNG	41.20	45.00	17.96%		44.40	43.73	9.46%
LPB	9.10	GIẢM	GIẢM		9.43				11.56	
LSS	7.22	TĂNG	GIẢM	7.22	6.83	0.00%			7.75	
MSN	90.10	GIẢM	TĂNG	79.10	91.20	15.30%	BÁN	90.60	81.25	-0.55%
MWG	122.00	TĂNG	TĂNG	122.00	117.76	0.00%		121.00	106.33	0.83%
NKG	13.70	TĂNG	GIẢM	13.70	13.19	0.00%	MUA		15.99	
NLG	31.75	TĂNG	GIẢM	31.75	31.54	0.00%	MUA		31.83	
NT2	28.00	TĂNG	GIẢM	27.20	26.88	2.94%			28.69	
NTL	9.65	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-6.76%		10.45	8.94	-7.66%
NTP	48.10	GIẢM	GIẢM		50.59				51.08	
PAC	44.20	TĂNG	TĂNG	40.20	40.46	9.95%			42.18	
PC1	27.00	TĂNG	GIẢM	26.15	24.93	3.25%			28.42	
PDR	25.20	GIẢM	GIẢM		26.24				28.77	
PGC	14.15	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-1.39%			15.68	
PHR	27.10	TĂNG	TĂNG	21.90	24.92	23.74%		24.00	21.67	12.92%
PLX	71.40	TĂNG	TĂNG	60.50	67.56	18.02%		68.00	57.13	5.00%
PNJ	99.00	GIẢM	TĂNG		102.91			103.90	86.95	-4.72%
POW	15.10	TĂNG	TĂNG	13.00	14.22	16.15%		14.10	11.31	7.09%
PPC	18.70	TĂNG	GIẢM	18.50	18.16	1.08%			19.21	
PTB	57.40	GIẢM	TĂNG		59.89			64.00	53.16	-10.31%
PVD	17.55	TĂNG	TĂNG	15.75	15.54	11.43%		16.35	11.96	7.34%
PVI	32.00	TĂNG	GIẢM	29.90	30.04	7.02%			32.96	
PVS	22.80	TĂNG	TĂNG	17.00	20.66	34.12%		20.90	16.39	9.09%
PXS	6.10	TĂNG	TĂNG	6.17	5.69	-1.13%		6.19	4.60	-1.45%
RAL	91.40	TĂNG	GIẢM	91.00	85.23	0.44%			100.14	



We Create Fortune

REE	35.50	GIẢM	TĂNG		36.29			36.40	31.68	-2.47%	
SAB	223.00	TĂNG	GIẢM	208.00	216.48	7.21%			233.02		
SAM	8.00	TĂNG	TĂNG	7.16	7.46	11.73%		7.75	7.59	3.23%	MUA
SBV	23.00	GIẢM	GIẢM		24.56				27.76		
SCR	9.30	GIẢM	GIẢM		9.45				10.30		
SHI	6.11	GIẢM	TĂNG		6.24			6.99	5.88	-12.59%	
SJS	19.20	GIẢM	GIẢM		20.12				21.87		
SKG	24.80	TĂNG	TĂNG	23.70	22.99	4.64%		23.10	20.01	7.36%	
SSI	32.00	TĂNG	GIẢM	29.55	30.57	8.29%			34.19		
STB	12.40	TĂNG	GIẢM	11.20	11.55	10.71%			12.71		
SVC	40.00	GIẢM	GIẢM		44.77				48.38		
TCB	26.15	GIẢM	GIẢM		26.36				N/A		
TCM	29.80	TĂNG	TĂNG	17.80	25.95	67.42%		21.60	19.48	37.96%	
TDH	11.05	GIẢM	GIẢM	11.70	11.14	-4.82%	BÁN		12.95		
TLH	7.12	GIẢM	GIẢM		7.36				8.11		
TMT	9.90	TĂNG	TĂNG	7.60	8.95	30.26%		9.29	7.28	6.57%	MUA
TNG	14.00	TĂNG	TĂNG	10.80	12.17	29.63%		12.00	10.54	16.67%	
TYA	10.40	GIẢM	GIẢM		10.78				11.82		
VCB	63.30	TĂNG	GIẢM	64.00	60.85	-1.09%			64.41		
VFG	35.40	GIẢM	TĂNG		37.41			34.39	32.56	2.93%	
VGC	18.70	TĂNG	GIẢM	17.90	17.66	4.47%			21.13		
VHM	104.60	GIẢM	N/A		108.20						
VIB	27.20	GIẢM	GIẢM		27.70				30.67		
VIC	99.60	GIẢM	TĂNG		101.62			111.50	92.44	-10.67%	
VIP	6.81	GIẢM	GIẢM		7.07				7.29		
VJC	149.20	GIẢM	TĂNG		154.25			156.00	130.21	-4.36%	
VNM	138.00	TĂNG	GIẢM	132.00	129.38	4.55%			139.87		
VPB	24.45	GIẢM	GIẢM		25.78				31.20		
VRC	22.80	TĂNG	TĂNG	17.75	22.55	28.45%		19.35	19.68	17.83%	
VRE	37.00	GIẢM	GIẢM		38.72				44.98		
VSC	42.90	TĂNG	TĂNG	42.90	41.60	0.00%	MUA	35.30	35.61	21.53%	
VSH	17.50	GIẢM	TĂNG		17.61			17.40	16.64	0.57%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	993.49	0.60
VN30	959.75	0.62
VN Mid	1,032.62	0.91
VN Small	832.94	0.71

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	113.60	0.74
HN30	208.25	1.31
VNX AllSh	1,393.54	0.81

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	51.98	0.30

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	731.80	
Bán	814.12	
GT rỗng	(82.32)	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	23.26	
Bán	85.56	
GT rỗng	(62.30)	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	48.32	
Bán	32.90	
GT rỗng	15.42	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VSC	2800	6.98%
DHC	2950	6.97%
TTF	310	6.89%
TCM	1850	6.62%
HSG	750	6.61%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TNG	1200	9.38%
CEO	700	5.22%
VCS	4700	5.04%
VCG	700	4.05%
L14	1200	2.45%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VGT	1100	10.48%
VGG	3800	7.17%
SSN	700	4.73%
MPC	1500	3.45%
NTC	1500	2.17%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SVC	-3,000	-6.98%
BCG	-200	-2.78%
VNS	-400	-2.29%
TDH	-250	-2.21%
MSN	-1,500	-1.64%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NVB	-300	-3.41%
DBC	-300	-1.05%
TV2	-1,300	-1.01%
PVS	0	0.00%
#N/A	#N/A	#N/A

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VIB	-300	-1.09%
QNS	-100	-0.26%
POW	0	0.00%
BSR	100	0.56%
DVN	100	0.63%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	317,885	
VHM	280,287	
VNM	240,318	
VCB	227,739	
GAS	209,769	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	41,780	
VCS	15,680	
PVS	10,185	
SHB	10,106	
VGC	8,384	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	185,056	
BSR	55,499	
MCH	53,674	
HVN	47,480	
POW	35,362	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
HSG	11.78	3.26
STB	9.70	5.67
HPG	7.28	5.27
HBC	5.10	1.44
FLC	5.03	10.93

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SHB	15.35	7.02
PVS	4.05	6.82
TNG	2.80	0.42
CEO	2.51	0.97
ACB	2.41	5.04

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
ART	5.12	0.97
POW	2.87	1.70
VGT	2.85	0.63
BSR	2.15	2.14
LPB	0.91	1.49

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

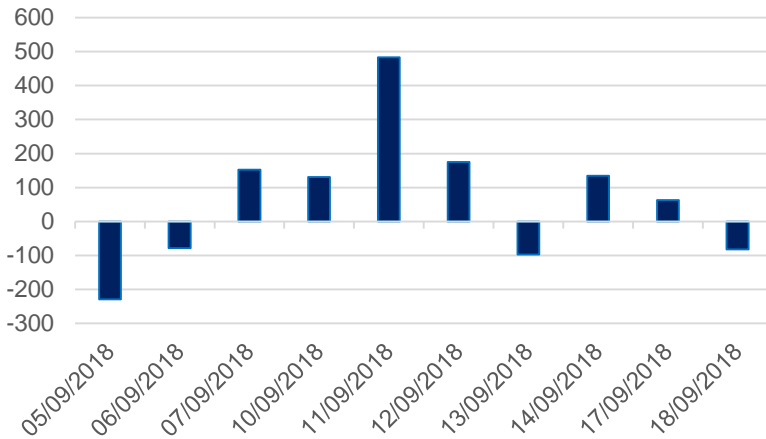
Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

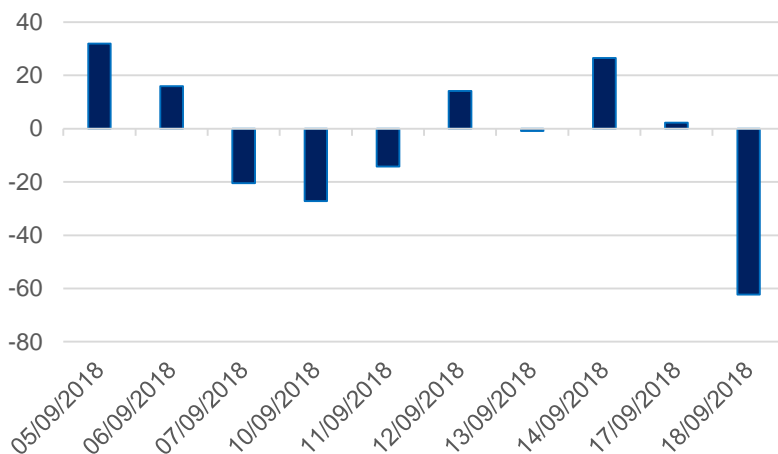
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
SSI	15,424	HPG	(42,851)
VNM	14,858	DIG	(20,539)
PLX	10,599	VRE	(16,441)
VIC	8,774	PDR	(14,197)
GEX	6,305	LDG	(10,921)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

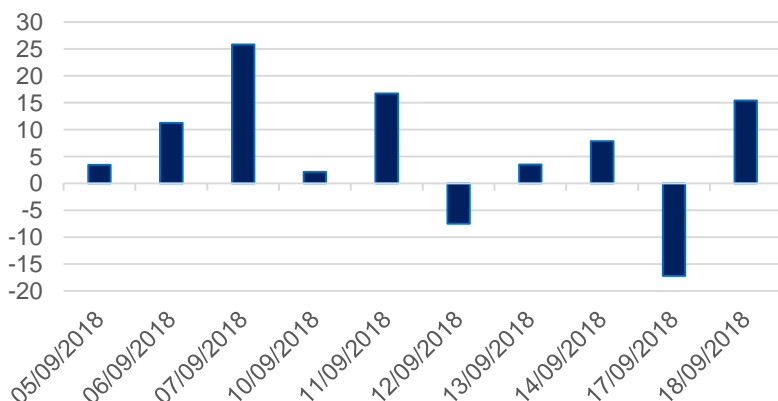
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
CEO	6,321	VIX	(72,736)
SHS	4,570	TNG	(8,079)
SHB	2,202	PVB	(273)
VGC	1,674	ALV	(139)
PVS	1,354	ICG	(101)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
POW	16,516	VGT	(5,611)
VEA	4,422	MPC	(2,539)
HVN	2,137	LPB	(1,756)
ACV	2,116	LTG	(1,272)
ART	1,594	GVR	(619)

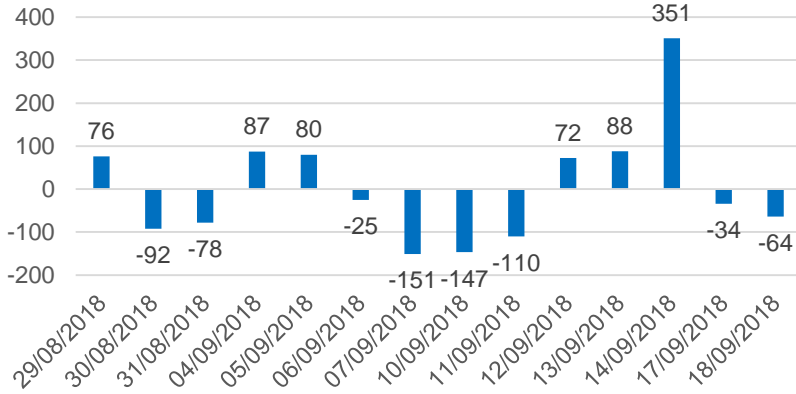
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

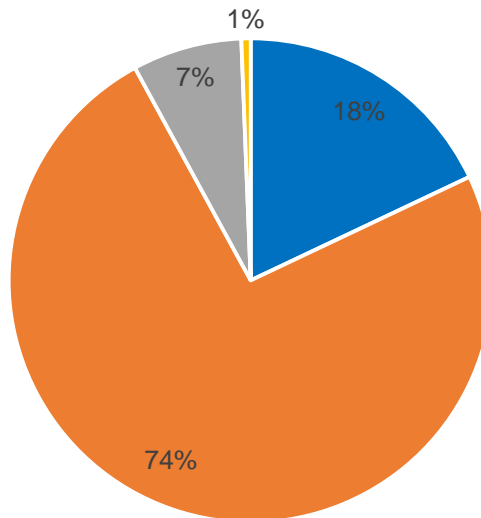


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VNĐ)
<b>NVL</b>	35,538	<b>VIC</b>	43,792
<b>MWG</b>	17,099	<b>THI</b>	37,998
<b>HPG</b>	9,709	<b>NVL</b>	33,352
<b>SSI</b>	9,406	<b>PNJ</b>	3,100
<b>VIC</b>	8,705	<b>E1VFN30</b>	2,382

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



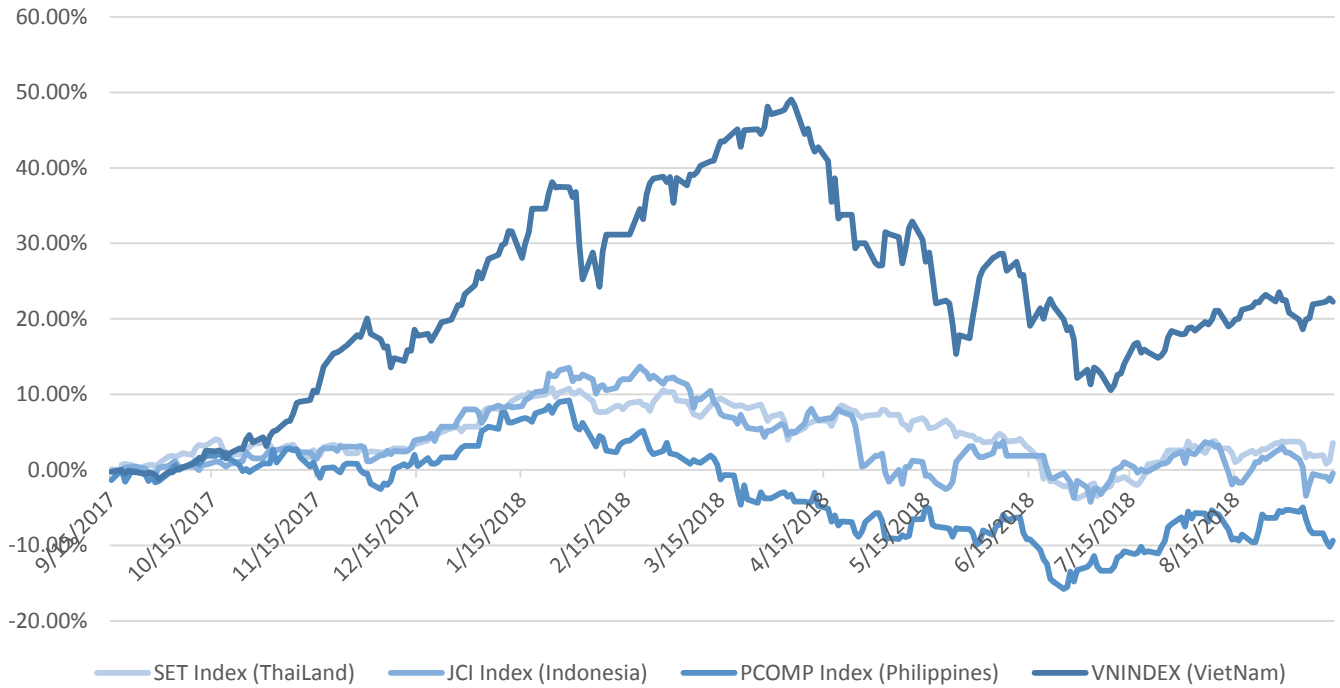
- Tổ chức nước ngoài
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức trong nước
- Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create **Fortune**

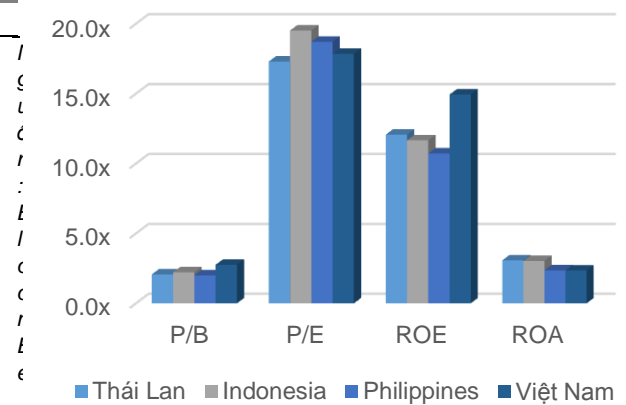
## Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.1x	2.2x	2.0x	2.8x
P/E		17.3x	19.5x	18.7x	17.8x
ROE	%	12.07	11.66	10.72	14.94
ROA	%	3.08	3.03	2.36	2.35
Vốn hóa	Tỷ USD	531.77	443.46	172.62	135.56
GTGD	Triệu USD	1.33	0.28	0.04	0.14
LS cổ tức	%	3.02	2.34	1.62	2.10

rg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

**Quách Đức Khánh**

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

**Chung Kim Hoa**

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written